

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HS-ST
Ngày 19 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đồng Chung

Thẩm phán tham gia: Ông Lương Đức Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Vắn, bà Đỗ Thị Hà và bà Phan Thị Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Nam là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HS, ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đối với bị cáo:

Nguyễn Huy K, sinh năm 1968 tại tỉnh Ninh Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Q, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; tạm trú: Thôn W, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Huy B và bà Nguyễn Thị V (đều đã chết); có vợ là Trần Thị Thanh T và 03 con; Nhân thân: Ngày 06-02-2018 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 03 năm tù cho hưởng án treo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; bị bắt tạm giam từ ngày 19-9-2019 - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo:

- Ông Nguyễn Trọng Nghĩa; địa chỉ: Văn phòng luật sư Thiên Lý thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông - Số 41 Lê Thị Hồng Gấm, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông - Có mặt;

- Ông Phan Văn Cảnh; địa chỉ: Văn phòng luật sư Phan Anh Cảnh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông - Tổ 02, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

Bị hại:

- Bà Phạm Thị L, sinh năm 1975 - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Ông Phạm Văn H, sinh năm 1960 - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn R, xã N, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông.

- Bà Trần Thị L, sinh năm 1968 - Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1963 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

- Ông Trần Đức V, sinh năm 1973 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Y, xã N, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2004, Nguyễn Huy K làm việc tại xưởng dừa, giấy thuộc Công ty Lâm nghiệp G với vị trí là Quản đốc. Để có tiền góp vốn, K vay mượn của rất nhiều người, tính đến năm 2011, K nợ tổng cộng số tiền khoảng 5.000.000.000 đồng. Lúc này, để có tiền trả nợ và kinh doanh, K tiếp tục vay mượn của nhiều người nhưng người cho vay yêu cầu phải có tài sản thế chấp. Do đó, K nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy đăng ký xe ô tô để thế chấp vay tiền của các hộ dân. Năm 2012, thông qua mạng xã hội K thuê 01 người đàn ông (chưa rõ nhân thân, lai lịch) tại Thành phố Hồ Chí Minh làm giả 03 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại cùng địa chỉ: Số U, đường TTN, phường T, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh do UBND quận I cấp ngày 23-7-2009; 02 giấy đăng ký xe ô tô FORD số 002926, biển kiểm soát 48H-2233 do Công an tỉnh Đắk Nông cấp ngày 07-9-2009; các giấy tờ giả này đều mang tên Nguyễn Huy K với số tiền 4.000.000 đồng (trong đó GCNQSD đất giá 1.000.000 đồng/giấy và giấy đăng ký xe ô tô giá 500.000 đồng/giấy). Sau khi làm giả xong các giấy tờ trên, Nguyễn Huy K thế chấp cho người khác để vay tiền rồi chiếm đoạt. Cụ thể như sau:

Khoảng tháng 4-2011, Nguyễn Huy K vay của bà Trần Thị L 250.000.000 đồng. Ngày 01-5-2011, K đưa cho bà L 01 hợp đồng góp vốn, nội dung thể hiện bà L góp số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất 03%/tháng, thời hạn 36 tháng, thực tế là hợp đồng vay tiền. Tháng 7-2014, K tiếp tục hỏi vay bà L 200.000.000 đồng, lúc này bà L yêu cầu phải có tài sản thế chấp. Ngày 15-7-2014, tại quán cà phê G thuộc tổ E, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông, K đưa cho bà L 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại phường T, quận I,

Thành phố Hồ Chí Minh mang tên Nguyễn Huy K. K nói với bà L giá trị nhà, đất khoảng hơn 6.000.000.000 đồng. Tin tưởng nên bà L đã cho K vay 200.000.000 đồng. Hai bên làm hợp đồng vay vốn kinh doanh, lãi suất 2,5%/tháng, trả lãi theo tháng, thời hạn vay 06 tháng. Đến thời hạn, bà L nhiều lần yêu cầu nhưng K chưa trả được cho bà L khoản gốc và lãi nào. Đến tháng 3-2019, bà L phát hiện giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất mà K thế chấp cho bà L là giả. Ngày 10-7-2019, bà L tố cáo Nguyễn Huy K đến cơ quan Công an.

Từ năm 2010 đến cuối năm 2011, Nguyễn Huy K nhiều lần vay tiền của bà Phạm Thị L với tổng số tiền 250.000.000 đồng bằng hình thức vay tín chấp. Đầu năm 2012, K tiếp tục hỏi vay tiền bà L, lúc này bà L yêu cầu phải có tài sản thế chấp nên K đã đưa cho bà L 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất mang tên K (giấy giả thứ hai). Tin tưởng nên bà L đã cho K vay tính đến ngày 02-9-2012 tổng số tiền là 750.000.000 đồng.

Trong thời gian này, Nguyễn Huy K còn nợ ông Nguyễn Huy H số tiền 300.000.000 đồng. Ông H đề nghị chuyển số tiền này cho bà Phạm Thị L vì ông H góp tiền với bà L để mua máy móc nhưng hiện tại ông H không có tiền mặt. Bà L đồng ý nhưng yêu cầu phải có tài sản thế chấp nên K đã đưa cho bà L 01 giấy đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 48H-2223 mang tên Nguyễn Huy K (giấy giả), sau đó hai bên viết giấy vay tiền. Đối với các khoản vay này, K đã nhiều lần trả cho bà L được tổng số tiền là 264.000.000 đồng.

Trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến tháng 4-2013, do cần tiền để kinh doanh, Nguyễn Huy K nhiều lần vay của ông Phạm Văn H với tổng số tiền là 900.000.000 đồng, hai bên không viết giấy tờ. Đến ngày 14-4-2013, K đưa cho ông H hợp đồng vốn góp kinh doanh, nội dung thể hiện ông H góp vốn số tiền 900.000.000 đồng, thời hạn là 36 tháng, lãi suất 03%/tháng, thực tế là hợp đồng vay tiền (hai bên đều thừa nhận). Đầu tháng 01-2014, K tiếp tục hỏi ông H vay số tiền 300.000.000 đồng, ông H yêu cầu phải có tài sản thế chấp để làm tin. Lúc này, K nói với ông H là K có nhà, đất ở Thành phố Hồ Chí Minh, giá trị khoảng 05 tỷ đồng; K sẽ đưa Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông H giữ thì ông H đồng ý. Vào ngày 28-01-2014, tại nhà anh Trần Đức V, K đưa cho ông H 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở (giấy giả thứ ba) mang tên Nguyễn Huy K, ông H đưa cho K số tiền 300.000.000 đồng, hai bên không viết giấy tờ. Đến tháng 5-2019, ông H phát hiện giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mà K thế chấp cho ông H không phải do cơ quan Nhà nước phát hành, ông H nhiều lần gặp K đòi lại tiền nhưng K không trả. Ngày 10-6-2019, ông H tố cáo hành vi của Nguyễn Huy K đến cơ quan Công an.

Như vậy, tổng số tiền mà Nguyễn Huy K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của những người nêu trên là 1.550.000.000đ (*Một tỷ năm trăm năm mươi*

triệu đồng), trong đó chiếm đoạt của bà Trần Thị L số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng); bà Phạm Thị L số tiền 1.050.000.000đ (Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng) và ông Phạm Văn H số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Bản kết luận giám định số: 139/GĐTL-PC09, ngày 04-9-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0029264, tên chủ xe Nguyễn Huy K, biển số đăng ký 48H-2233 ghi Công an tỉnh Đ cấp ngày 07-9-2009 không phải do cơ quan Nhà nước phát hành;

- Chữ ký mang tên Trần Khắc H dưới mục: Phó Chủ tịch trên tài liệu cần giám định không phải chữ ký trực tiếp nên không tiến hành giám định;

- Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung: “Ủy ban nhân dân quận I, Thành phố Hồ Chí Minh” dưới mục: “Phó Chủ tịch” trên tài liệu cần giám định so với hình dấu tròn màu đỏ của Ủy ban nhân dân quận I, Thành phố Hồ Chí Minh dưới mục: Phó Chủ tịch trên tài liệu mẫu so sánh là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Cáo trạng số: 09/CT-VKS-P3 ngày 13-01-2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo Nguyễn Huy K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Huy K không thừa nhận hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã truy tố mà chỉ thừa nhận hành vi phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Huy K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Huy K từ 14 năm đến 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; từ 02 năm đến 03 năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Huy K phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 16 năm đến 18 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tạm giữ các vật chứng sau để đảm bảo việc thi hành án:

- 03 Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mang tên Nguyễn Huy K, số CMND: 245021365, địa chỉ nhà và đất tại phường T, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

- 01 Giấy đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 48H-2233 mang tên Nguyễn Huy K.

- Đối với 01 giấy đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 48H-2233 mang tên Nguyễn Huy K đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2017/HS-ST, ngày 27-9-2017 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Huy K phải trả lại số tiền 1.286.000.000 đồng cho những bị hại, trong đó bà Trần Thị L là 200.000.000 đồng; bà Phạm Thị L là 786.000.000 đồng và ông Phạm Văn H là 300.000.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo ông Nguyễn Trọng N trình bày luận cứ: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Huy K ở mức khởi điểm của khung hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo ông Phan Văn C trình bày luận cứ: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo Nguyễn Huy K về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là chưa đủ căn cứ mà chỉ là giao dịch dân sự, đối với tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo K không phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Huy K 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Bị hại Phạm Văn H: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt, về hình phạt đề nghị xử đúng theo quy định của pháp luật.

Các bị hại Phạm Thị L và bà Trần Thị L: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt, về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không bào chữa bổ sung, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Nông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và các bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành

tổ tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo thay đổi lời khai và cho rằng bị cáo mượn tiền trước rồi mới đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở giả; giấy đăng ký xe ô tô giả cho các bị hại nhưng căn cứ lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, người bị hại tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa và các chứng cứ đã thu thập lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa là phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý kết luận: Năm 2012 Nguyễn Huy K đã thuê một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) tại Thành phố Hồ Chí Minh làm giả 03 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại cùng 02 giấy đăng ký xe ô tô FORD, biển kiểm soát 48H-2233, tất cả đều là giấy giả mang tên Nguyễn Huy K. Sau khi làm giả các giấy tờ trên, trong khoảng thời gian từ đầu năm 2012 đến tháng 7-2014, tại thành phố G, huyện Đ và huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông, Nguyễn Huy K dùng 03 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở và 01 giấy đăng ký xe ô tô (*giấy giả*) thế chấp để lấy 200.000.000 đồng của bà Trần Thị L; 1.050.000.000 đồng của bà Phạm Thị L và 300.000.000 đồng của ông Phạm Văn H, sử dụng vào mục đích cá nhân nên không có khả năng trả lại cho bà Trần Thị L, bà Phạm Thị L và ông Phạm Văn H. Tổng số tiền mà Nguyễn Huy K chiếm đoạt của những bị hại nêu trên là 1.550.000.000 đồng.

Các hành vi nêu trên của Nguyễn Huy K thực hiện từ đầu năm 2012 đến tháng 7-2014, tuy nhiên điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định mức hình phạt nhẹ hơn so với điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngoài ra, Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999 chỉ quy định về tội *“Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”* còn Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về tội làm giả và tội sử dụng tài liệu giả. Do đó, áp dụng quy định có lợi cho bị cáo tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số: 41/2017/QH14, ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội để xét xử bị cáo Nguyễn Huy K về tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội *“Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

“Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) *Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;*

Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định:

1. *Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ đó nhằm lừa dối cơ quan, tổ chức hoặc công dân, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.*

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến năm năm:*

a) *Có tổ chức;*

b) *Phạm tội nhiều lần;”.*

[3]. Xét tính chất vụ án do bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của nhà nước và quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu trong dư luận và trật tự an toàn xã hội tại địa phương nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo phạm tội nhiều lần với số tiền lớn, năm 2018 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” nhưng bị cáo không tu chí, rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội, vì vậy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, cách ly bị cáo với xã hội một thời gian dài thì mới đảm bảo được việc giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

Trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo nhưng tại phiên tòa bị cáo đã thay đổi lời khai. Bị cáo đã trả được cho bà Phạm Thị L số tiền 264.000.000 đồng và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; tuy nhiên, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Đối với các khoản tiền Nguyễn Huy K vay của bà Phạm Thị L 250.000.000 đồng; vay của ông Phạm Văn H 900.000.000 đồng và vay của bà Trần Thị L 250.000.000 đồng, việc vay mượn này là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với bà Trần Thị Thanh T (vợ của Nguyễn Huy K), không biết K dùng giấy tờ giả để vay tiền của bà Phạm Thị L, ông Phạm Văn H và bà Trần Thị L, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với người mà Nguyễn Hữu K thuê làm các giấy tờ giả, hiện nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông tiếp tục xác minh, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

[4]. *Về trách nhiệm dân sự*: Áp dụng các điều 584, 585 và 589 của Bộ luật Dân sự; Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Buộc bị cáo Nguyễn Huy K phải trả cho bà Trần Thị L số tiền 200.000.000 đồng, bà Phạm Thị L số tiền 786.000.000 đồng và ông Phạm Văn H số tiền 300.000.000 đồng.

[5]. *Về xử lý vật chứng*: Cần lưu trong hồ sơ các vật chứng sau để đảm bảo cho việc thi hành án:

- 03 Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mang tên Nguyễn Huy K, số CMND: 245021365, địa chỉ nhà và đất tại phường T, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

- 01 Giấy đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 48H-2233 mang tên Nguyễn Huy K.

- Đối với 01 giấy đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 48H-2233 mang tên Nguyễn Huy K đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2017/HS-ST, ngày 27-9-2017 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Đắk Nông nên không đề cập xử lý.

[6]. Xét luận cứ bào chữa của luật sư Nguyễn Trọng Nghĩa cơ bản phù hợp, vì vậy cần chấp nhận.

[7]. Xét luận cứ bào chữa của luật sư Phan Văn Cảnh là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Huy K phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Huy K 13 (*Mười ba*) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Huy K 02 (*Hai*) năm tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, buộc bị cáo Nguyễn Huy K phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 15 (*Mười lăm*) năm tù, tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 19-9-2019.

2. *Về trách nhiệm dân sự*: Áp dụng các điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự; Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Buộc bị cáo Nguyễn Huy K phải trả lại cho bà Trần Thị L số tiền 200.000.000 đồng, bà Phạm Thị L số tiền 786.000.000 đồng và ông Phạm Văn H số tiền 300.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, lưu trong hồ sơ các vật chứng sau để đảm bảo cho việc thi hành án:

- 03 Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mang tên Nguyễn Huy K, số CMND: 245021365, địa chỉ nhà và đất tại phường T, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh;

- 01 giấy đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 48H-2233 mang tên Nguyễn Huy K.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm a và c khoản 1 Điều 23, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Huy K phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 50.580.000đ (Năm mươi triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo và các bị hại có quyền kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Tp. H;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Đ;
- CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Nông;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đ;
- CQTHADS tỉnh Đ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đỗ Đồng Chung